

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA**

**GIÁO TRÌNH**

**MÔN HỌC: THỰC HÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP SX 2  
NGÀNH: KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP  
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 474/QĐ-CĐSL ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La về việc ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2020)*

*Sơn La, năm 2020*

## **TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN**

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

## LỜI GIỚI THIỆU

Giáo trình Thực hành kế toán doanh nghiệp sản xuất 2 dành cho sinh viên cao đẳng, trung cấp học khối ngành kế toán, mục tiêu của giáo trình cung cấp những kiến thức cơ bản, nền tảng về kế toán làm cơ sở cho học sinh học tốt các môn chuyên môn của nghề

Tôi xin bày tỏ lòng cảm ơn chân thành tới Ban giám Hiệu, hội đồng khoa học khoa kinh tế, phòng đào tạo đã tạo điều kiện thuận lợi để viết cuốn sách này.

Mặc dù hết sức cố gắng nhưng đây là lần đầu biên soạn giáo trình do đó không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được sự đóng góp của bạn đọc để cuốn sách được hoàn thiện hơn.

*Sơn la, tháng      năm 2020*

Chủ biên

Trần Thị Quyên

## GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học/mô đun: Thực hành kế toán doanh nghiệp 2**

**Mã môn học/mô đun: MH**

**Vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò của môn học/mô đun:**

- Vị trí: Môn thực hành kế toán doanh nghiệp SX 2 là môn chuyên môn của nghề kế toán doanh nghiệp, được học sau khi học xong các môn chuyên môn như Kế toán doanh nghiệp SX 1, 2, thực hành kế toán doanh nghiệp SX 1.

- Tính chất: Rèn luyện kỹ năng nghề kế toán, giúp người học sau khi ra trường có tay nghề vững trong thực hiện công tác kế toán tại các doanh nghiệp.

**Mục tiêu môn học:**

**- Về kiến thức:**

+ Vận dụng được những kỹ năng thực hành cơ bản về nghiệp vụ kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, thành phẩm bán hàng và xác định kết quả và được coi là môn chuyên môn chính của nghề kế toán doanh nghiệp.

+ Xử lý được những vấn đề về kỹ năng nghề kế toán cần giải quyết trong công tác kế toán trong doanh nghiệp;

+ Vận dụng được kỹ năng nghề trong thực hiện các phần mềm kế toán.

**- Về kỹ năng:**

+ Lập, kiểm tra, phân loại, xử lý chính xác chứng từ kế toán ;

+ Sử dụng thành thạo chứng từ kế toán trong ghi sổ kế toán chi tiết và tổng hợp trên 4 hình thức ghi sổ kế toán;

+ Sử dụng thành thạo các phần mềm kế toán và thực tiễn công tác kế toán.

+ Kiểm tra đánh giá được công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp

**- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

+ Tuân thủ các chế độ kế toán tài chính do Nhà nước ban hành

+ Có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, sức khỏe giúp cho người học sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm kiếm việc làm tại các Doanh nghiệp.

# CHƯƠNG 1 THỰC HÀNH KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ

## Mục tiêu:

- Tính được giá thực tế nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập, xuất kho
- Xác định được các chứng từ kế toán nguyên vật liệu, CCDC
- Thực hiện được các nghiệp vụ kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp của kế toán nguyên vật liệu, CCDC
- Vận dụng kiến thức kế toán chi tiết và tổng hợp kế toán nguyên vật liệu, CCDC vào làm được bài thực hành ứng dụng

## 1. Xác định và lập các chứng từ liên quan

**Mục đích:** Theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn kho vật tư, công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá, làm căn cứ kiểm tra tình hình sử dụng, dự trữ vật tư, công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá và cung cấp thông tin cần thiết cho việc quản lý hàng tồn kho.

**Nội dung:** Thuộc chỉ tiêu hàng tồn kho gồm các biểu mẫu sau:

|   |                |
|---|----------------|
| Phiếu nhập kho  | - Mẫu số 01-VT |
| Phiếu xuất kho  | - Mẫu số 02-VT |
| Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ,<br>sản phẩm, hàng hoá | - Mẫu số 03-VT |
| Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ                            | - Mẫu số 04-VT |
| Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá        | - Mẫu số 05-VT |
| Bảng kê mua hàng  | - Mẫu số 06-VT |
| Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ        | - Mẫu số 07-VT |

## 2. Định khoản kế toán

### \* Trường hợp 1: hàng và hóa đơn cùng về

- Khi mua hàng  
+ Đối với nguyên liệu, vật liệu mua vào dùng để sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu (Giá mua chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có các TK 111, 112, 141, 331,... (Tổng giá thanh toán).

+ Đối với nguyên liệu, vật liệu mua vào dùng để sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp hoặc dùng để sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc phục vụ cho hoạt động sự nghiệp, phúc lợi, dự án, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu (Tổng giá thanh toán)

Có các TK 111, 112, 141, 311, 331,... (Tổng giá thanh toán).

- Khi phát sinh chi phí thu mua

+ theo phương pháp khấu trừ

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu (Giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có các TK 111, 112, 141, 331,... (Tổng giá thanh toán).

+ Theo phương pháp trực tiếp

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu (Tổng giá thanh toán)

Có các TK 111, 112, 141, 311, 331,... (Tổng giá thanh toán).

- Khi nhập kho phát hiện thấy thiếu nguyên vật liệu, CCDC so với hóa đơn

Nợ TK 1381- tài sản thiếu chờ xử lý

Nợ TK 1388- phải thu khác (yêu cầu bồi thường)

Có TK 111, 112, 311, 331 (giá thanh toán của NVL, CCDC thiếu)

**Ví dụ:** mua 5000kg vật liệu chính giá chưa thuế 1000/kg khi nhập kho thấy thiếu so với hóa đơn là 1000kg. Hãy định khoản

Bút toán 1: Nợ TK 152: 4000.000

Nợ TK 1331: 500.000

Có TK 331: 4.500.000

Bút toán 2: Nợ TK 1381: 1.000.000

Có TK 331: 1.000.000

- Khi nhập kho phát hiện thấy thừa so với hóa đơn

+ Cách 1: Nhập theo hóa đơn

Bút toán 1:

Nợ TK 152

Nợ TK 1331

Có TK 111, 112, 311, 331

Bút toán 2:

Nợ TK 002 (phần thừa)

→ Khi xử lý

Nếu mua lại phần thừa

Bút toán 1:

Nợ TK 152

Nợ TK 1331

Có TK 111, 112, 311, 331

Bút toán 2:

Có TK 002 (phần thừa)

+ Cách 2: Nhập toàn bộ

Nợ TK 152 (toàn bộ giá trị hàng)

Nợ TK 1331

Có TK 111,112,331

Có TK 3381 (giá trị hàng thừa)

**Ví dụ:** mua 4000kg vật liệu phụ giá chưa thuế 1000/kg khi nhập kho thấy thừa so với hóa đơn là 500kg. Hãy định khoản

**Cách 1:**

Bút toán 1: Nợ TK 152: 4.000.000

Nợ TK 1331: 400.000

Có TK 331: 4.400.000

Bút toán 2: Nợ TK 002: 500.000

**Cách 2:**

Nợ TK 152: 4.500.000

Nợ TK 1331: 400.000

Có TK 331: 4.400.000

Có TK 3381: 500.000

**\* Trường hợp 2: hóa đơn về nhưng hàng chưa về**

**Nguyên tắc:** Trường hợp doanh nghiệp đã nhận được hóa đơn mua hàng nhưng nguyên liệu, vật liệu chưa về nhập kho đơn vị thì kế toán lưu hóa đơn vào một tập hồ sơ riêng “Hàng mua đang đi đường”.

Nếu trong tháng hàng về thì căn cứ vào hóa đơn, phiếu nhập kho để ghi vào Tài khoản 152 “Nguyên liệu, vật liệu”.

Nếu đến cuối tháng nguyên liệu, vật liệu vẫn chưa về thì căn cứ vào hóa đơn (Trường hợp nguyên liệu, vật liệu dùng vào sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ), kế toán ghi:

Nợ TK 151 - Hàng mua đang đi đường

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán

Có các TK 111, 112, 141,...

Sang tháng sau, khi nguyên liệu, vật liệu về nhập kho, căn cứ vào hóa đơn và phiếu nhập kho, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 151 - Hàng mua đang đi đường.

**\* Trường hợp 3: hàng về trước hóa đơn**

**Nguyên tắc:** nếu hàng về trước hóa đơn thì kế toán vẫn làm thủ tục nhập kho, lưu phiếu nhập kho vào 1 tập hồ sơ riêng. Nếu trong tháng nhận được hóa đơn thì sẽ tính giá thực tế và ghi sổ bình thường

- Nếu cuối tháng vẫn chưa nhận được hóa đơn thì kế toán ghi sổ theo giá tạm tính

Nợ TK 152 (giá tạm tính)

Có TK 331 (giá tạm tính)

- Đến tháng sau khi hóa đơn về thì kế toán tiến hành so sánh giá thực tế với giá tạm tính

+ nếu giá tạm tính > giá thực tế kế toán phải dùng bút đỏ ghi số âm

Bút toán 1

Nợ TK 152

Có TK 331

Bút toán 2

Nợ TK 1331 (toàn bộ số thuế)

Có TK 111, 112, 331

+ nếu giá tạm tính < giá thực tế kế toán phải ghi bổ sung

Nợ TK 152 (phần chênh lệch)

Nợ TK 1331 (toàn bộ số thuế)

Có TK 331

**Ví dụ:** Nhận hóa đơn mua nguyên vật liệu từ tháng trước, giá hóa đơn chưa thuế (VAT 5%) là 200.000 và tháng trước ghi sổ theo giá tạm tính là 170.000. hãy định khoản

Nợ TK 152: 30.000

Nợ TK 1331: 10.000

Có TK 331: 40.000

Trong trường hợp tháng trước ghi theo giá tạm tính là 250.000

Bút toán 1:

Nợ TK 152: (50.000)

Có TK 331: (50.000)

Bút toán 2:

Nợ TK 1331: 10.000

Có TK 331: 10.000

- Trường hợp mua nguyên vật liệu, CCDC được hưởng chiết khấu thương mại thì phải ghi giảm giá gốc nguyên vật liệu đã mua đối với khoản chiết khấu thương mại thực tế được hưởng, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 331,....

Có TK 152- Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 133- Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có).



- Trường hợp nguyên liệu vật liệu, CCDC mua về nhập kho nhưng đơn vị phát hiện không đúng quy cách, phẩm chất theo hợp đồng ký kết phải trả lại người bán hoặc được giảm giá, kế toán phản ánh giá trị hàng mua xuất kho trả lại hoặc được giảm giá, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 331,....

Có TK 152- Nguyên liệu, vật liệu (Giá mua chưa có thuế GTGT)

Có TK 133- Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có).

- Khi trả tiền cho người bán, nếu được hưởng chiết khấu thanh toán, thì khoản chiết khấu thanh toán thực tế được hưởng được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (Chiết khấu thanh toán).

### **3.1.2. Các trường hợp khác**

- Khi nhập kho nguyên liệu, vật liệu đã tự chế, thuê ngoài gia công chế biến, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.

- Nhận lại vốn góp liên doanh

Nợ TK 152

Có TK 515 (nếu giá trị thu hồi lớn hơn giá trị vốn góp do kinh doanh có lãi nếu chưa rõ là lãi hay không thì cho vào 3388)

Có TK 222

- các trường hợp còn lại

Nợ TK 152

Có TK 411 (nhận góp vốn kinh doanh bằng NVL)

Có TK 3388 (vay của đơn vị khác)

Có TK 711 (phế liệu thu hồi từ thanh lý tài sản cố định)

## **3.2. hạch toán tổng hợp giảm NVL, CCDC**

### **3.2.1. Xuất dùng cho sản xuất kinh doanh**

#### **a. Nguyên vật liệu**

Nợ TK 621, 623, 627, 641, 642

Có TK 152

#### **b. Công cụ dụng cụ**

\* **Phương pháp phân bổ 1 lần**: áp dụng với những CCDC có giá trị nhỏ, thời gian sử dụng ngắn. Căn cứ vào mục đích sử dụng kế toán ghi

Nợ TK 623 - Chi phí sử dụng máy thi công

Nợ TK 627 - Chi phí sản xuất chung (6273)

Nợ TK 641 - Chi phí bán hàng (6412, 6413)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (6423)

Có TK 153 - Công cụ, dụng cụ (1531, 1532).

**\* phương pháp phân bổ 2 lần:** áp dụng với những CCDC có giá trị lớn

- Khi xuất dùng kế toán ghi

Nợ TK 242- cp trả trước dài hạn (CCDC có gt lớn thời gian sử dụng > 1 năm)

Nợ TK 142- cp trả trước ngắn hạn (CCDC có gt lớn thời gian sử dụng < 1 năm)

Có TK 153 (100% giá trị xuất dùng)

- Phân bổ 50 % giá trị xuất dùng

Nợ các TK 623, 627, 641,642,...

Có TK 142 - Chi phí trả trước ngắn hạn

Có TK 242 - Chi phí trả trước dài hạn.

- Khi CCDC báo hỏng hoặc mất kế toán tiến hành phân bổ phần nốt giá trị của CCDC hỏng vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ

Giá trị còn lại = (GT CCDC xuất dùng/2) – gt phế liệu thu hồi – tiền bồi thường vật chất

Nợ TK 627, 641, 642 (giá trị còn lại)

Nợ TK 111, 112 (phế liệu thu hồi bán ngay)

Nợ TK 152 (phế liệu thu hồi nhập kho)

Nợ TK 1388, 334 (bồi thường vật chất)

Có TK 242, 142

**\* Phương pháp phân bổ nhiều lần:** áp dụng với CCDC có giá trị lớn. Kế toán tự lựa chọn số lần phân bổ

- công thức tính

$$\text{Mức phân bổ giá trị CCDC 1 lần sử dụng} = \frac{\text{Giá trị CCDC xuất dùng}}{\text{Số kỳ hoặc số lần sử dụng}}$$

- Phương pháp hạch toán

+ Khi xuất dùng: phản ánh 100% giá trị xuất dùng

Nợ TK 242- cp trả trước dài hạn (CCDC có gt lớn thời gian sử dụng > 1 năm)

Nợ TK 142- cp trả trước ngắn hạn (CCDC có gt lớn thời gian sử dụng < 1 năm)

Có TK 153 (100% giá trị xuất dùng)

+ Phân bổ lần 1

Nợ các TK 623, 627, 641,642,...